

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KINH TẾ - DU LỊCH **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học **Ngành:** Kế toán **Mã số:** 7340301

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

| | |
|------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| 1.1. Tên học phần: LUẬT KẾ TOÁN | 1.2. Tên tiếng Anh: ACCOUNTING LAWS |
| 1.3. Mã học phần: KTLKT.209 | 1.4. Số tín chỉ: 03 |
| 1.5. Phân bố thời gian: | |
| - Lý thuyết: | 45 tiết |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | |
| - Tự học: | 90 giờ |
| 1.6. Các giảng viên phụ trách học phần: | |
| - Giảng viên phụ trách chính: | Nguyễn Thị Diệu Thanh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | Các giảng viên trong khoa theo sự phân công |
| 1.7. Điều kiện tham gia học phần: | |
| - Học phần tiên quyết: | Pháp luật đại cương |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và nguyên tắc cơ bản về các quy định của nhà nước trong hoạt động kế toán và hoạt động kiểm toán độc lập, giúp sinh viên nắm vững các qui chế pháp lý về quyền và nghĩa vụ của nhân viên kế toán, kế toán trưởng, kiểm toán viên và các cá nhân hành nghề độc lập trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Hiểu rõ những kiến thức và nguyên tắc cơ bản của hoạt động kế toán và hoạt động kiểm toán độc lập

- Nắm vững và áp dụng các qui chế pháp lý về quyền và nghĩa vụ của nhân viên kế toán, kế toán trưởng, kiểm toán viên và các cá nhân hành nghề độc lập trong lĩnh vực hoạt động kế toán

- Nắm vững các nguyên tắc tổ chức thực hiện công tác kế toán tại các đơn vị.

2.2.2. Về kỹ năng

- Có khả năng thực hiện các công việc giám sát, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về kế toán và tài chính doanh nghiệp

2.2.3. Về thái độ

- Dự lớp đầy đủ;
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập được giao, chuẩn bị bài trước khi đến lớp;
- Tích cực tham gia các hoạt động ở lớp;
- Có thái độ nghiêm túc và chăm chỉ trong học tập;
- Cố gắng áp dụng các kiến thức trong học tập vào thực tiễn.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| CLO1 | Trình bày được những qui định của pháp luật về nội dung cơ bản của công tác kế toán |
| CLO2 | Tóm tắt được những qui định của pháp luật về tổ chức bộ máy kế toán và những qui định đối với người làm kế toán |
| CLO3 | Tóm tắt được các qui định của pháp luật trong việc tổ chức, quản lý kinh doanh dịch vụ kế toán |
| CLO4 | Vận dụng được những quy định pháp luật về kế toán vào công tác giám sát, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về kế toán và tài chính doanh nghiệp |
| CLO5 | Trung thực, trách nhiệm, tin cậy, tỉ mỉ, nguyên tắc, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp |

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

| PLO | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
|-------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|------|------|------|
| CLO 1 | | R | R | M,A | I | R | | | R | | R | R |
| CLO 2 | | I | R | R | I | R | | | R | | R | R |
| CLO 3 | | I | I | R | I | R | | | R | | R | R |
| CLO 4 | | I | R | M,A | R | R | | | R | | R | R |

| | | | | | | | | | | | | |
|-------------------|--|---|---|-----|---|---|--|--|---|---|---|---|
| CLO 5 | | | | | | | | | | R | I | R |
| Tổng hợp học phần | | R | R | M,A | R | R | | | R | R | R | R |

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

| Thành phần đánh giá | Trọng số | Bài đánh giá | Trọng số con | Rubric (đánh dấu X nếu có) | Lquan đến CDR nào ở bảng 1 | Hướng dẫn phương pháp đánh giá |
|----------------------------------|----------|-----------------------------------|--------------|----------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 10% | | | X | CLO5 | Đánh giá theo rubric 1 |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 30% | A2.1. Tuần 5: Chương 1, 2 | 30% | X | CLO 1, CLO 2 | Đánh giá theo rubric 7 hoặc theo kiểm tra viết theo thang điểm 10 |
| | | A2.2. Tuần 10: Chương 2, chương 3 | 30% | X | CLO 3 | |
| | | A2.3. Tuần 15: Chương 4 | 40% | X | CLO 3, CLO 4 | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài thi cuối kỳ: Viết | | X | CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 | Theo bài kiểm tra viết thang điểm 10 |

Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.

b. Yêu cầu đối với học phần: Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

| Tuần/ Buổi (3 tiết/b) | Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 2 số) | Số tiết (LT/ TH/ TT) | CĐR của bài học (chương)/ chủ đề | Lquan đến CĐR nào ở bảng 1 | PP giảng dạy , tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR | Hoạt động học của SV(*) | Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 3) |
|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Hệ thống pháp luật kế toán Việt Nam hiện hành và những quy định chung của Luật kế toán 2015 1.1. Hệ thống pháp luật về kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hành kế toán Việt Nam | 3LT | 1.1. Nắm được khái quát hệ thống pháp luật về kế toán và những quy định chung của Luật kế toán 2015 | CLO1 CLO5 | - Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1], tài liệu [2] , và các tài liệu tham khảo liên quan: [3], [4], [8] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi | |
| 2 | Chương 1: Tiếp theo 1.2. Những nội dung cơ bản của Luật Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành | 3 LT | 1.2. Nắm được những nội dung cơ bản của Luật Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành | CLO1 CLO5 | - Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1], tài liệu [2] , và các tài liệu tham khảo liên quan: [3], [4], [8] | |

| | | | | | | | |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| | | | | | | - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi | |
| 3 | Chương 1: tiếp theo 1.2. Những nội dung cơ bản của Luật Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành | 3 LT | 1.2. Nắm được những nội dung cơ bản của Luật Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành | CLO1 CLO5 | - Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 1) (tài liệu [1], tài liệu [2] , và các tài liệu tham khảo liên quan: [3], [4], [8] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi | |
| 4 | Chương 2: Nội dung công tác kế toán 2.1. Chứng từ kế toán | 3 LT | 2.1. Nắm vững những quy định về chứng từ kế toán | CLO2 CLO5 | - Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 2) (tài liệu [1], tài liệu [2] , và các tài liệu tham khảo liên quan: [5] - [10] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |
| 5 | Chương 2: tiếp theo 2.2. Tài khoản kế toán và sổ kế toán | 3 LT | 2.2. Nắm vững những quy định về tài khoản kế toán và sổ kế toán | CLO2 CLO5 | - Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 2) (tài liệu [1], tài liệu [2] , và các tài liệu tham khảo liên quan: [5] - [10] | A2.1 |

| | | | | | | | |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| | | | | | | - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |
| 6 | Chương 2: tiếp theo 2.3. Báo cáo tài chính 2.4. Kiểm tra kế toán | 3 LT | 2.3. Nắm vững những quy định về báo cáo tài chính 2.4. Nắm vững những quy định về kiểm tra kế toán | CLO2 CLO5 | - Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 2) (tài liệu [1], tài liệu [2] , và các tài liệu tham khảo liên quan: [5] - [10] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |
| 7 | Chương 2: tiếp theo 2.5. Kiểm kê tài sản, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán | 3 LT | 2.5. Nắm vững những quy định về kiểm kê tài sản, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán | CLO2 CLO5 | - Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 2) (tài liệu [1], tài liệu [2] , và các tài liệu tham khảo liên quan: [5] - [10] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |
| 8 | Chương 2: tiếp theo 2.6. Công việc kế toán trong trường hợp đơn vị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi | 3 LT | 2.6. Nắm vững quy định về công việc kế toán trong trường hợp đơn vị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi | CLO2 CLO5 | - Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 2) (tài liệu [1], tài liệu [2] , và các tài liệu | |

| | | | | | | | |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|------|---------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| | | | | | projector để hướng dẫn | tham khảo liên quan: [5] - [10] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |
| 9 | Chương 3: Tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán 3.1. Tổ chức bộ máy kế toán | 3 LT | 3.1. Nắm vững quy định về tổ chức bộ máy kế toán trong đơn vị | CLO3 CLO5 | - Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 3) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [11]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |
| 10 | Chương 3: tiếp theo 3.2. Quy định về người làm kế toán trong đơn vị | 3 LT | 3.2. Nắm vững quy định về người làm kế toán trong đơn vị | CLO3 CLO5 | - Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 3) (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [11]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | A2.2 |
| 11 | Chương 3: tiếp theo 3.2. Quy định về người làm kế toán trong đơn vị | 3 LT | 3.2. Nắm vững quy định về người làm kế toán trong đơn vị | CLO3 CLO5 | - Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 3) (tài liệu [1]) | |

| | | | | | | | |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| | | | | | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [11]. - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |
| 12 | Chương 4: Hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán và quản lý nhà nước về kế toán 4.1. Quy định về hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán đối với cá nhân | 3 LT | 4.1. Nắm vững các quy định về hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán đối với cá nhân | CLO4 CLO5 | - Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4 (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [11], [12], [13] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |
| 13 | Chương 4: Tiếp theo 4.1. Quy định về hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán đối với cá nhân | 3 LT | 4.1. Nắm vững các quy định về hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán đối với cá nhân | CLO4 CLO5 | - Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4 (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [11], [12], [13] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |

| | | | | | | | |
|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14 | Chương 4: Tiếp theo 4.2. Quy định về hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán đối với hộ kinh doanh, doanh nghiệp | 3 LT | 4.2. Nắm vững các quy định về hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán đối với hộ kinh doanh, doanh nghiệp | CLO4 CLO5 | - Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4 (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [11], [12], [13] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | |
| 15 | Chương 4: Tiếp theo 4.3. Quản lý Nhà nước về kế toán | 3 LT | 4.3. Nắm vững các quy định về quản lý Nhà nước về kế toán | CLO4 CLO5 | - Giải thích cụ thể, thuyết giảng, câu hỏi gợi mở - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (Chương 4 (tài liệu [1]) có thể đọc thêm các nội dung liên quan ở các tài liệu [11], [12], [13] - Phần chuẩn bị trên lớp: trả lời câu hỏi, thảo luận nhóm, làm bài tập | A2.3 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì | | | | | | A3 |

(*) Ghi chú:

- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương
- (6) PP giảng dạy đạt CDR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CDR
- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số....).

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

| TT | Tên tác giả | Năm XB | Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản | NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB |
|-----------------------------------|-----------------------|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| Giáo trình chính | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Diệu Thanh | 2021 | <i>Bài giảng Luật kế toán</i> | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
| 2 | Quốc hội | 2015 | <i>Luật kế toán – Luật số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015</i> | NXB Sự thật |
| Sách, giáo trình tham khảo | | | | |
| 3 | Bộ Tài chính | 2013 | <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i> | NXB Lao động |
| 4 | Bộ Tài chính | 2016 | <i>Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp</i> | |
| 5 | Bộ Tài chính | 2016 | <i>Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 8 năm 2016</i> | NXB Tài chính |
| 6 | Chính phủ | 2010 | <i>Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010: Quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ</i> | |
| 7 | Chính phủ | 2014 | <i>Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ</i> | |
| 8 | Bộ Tài chính | 2014 | <i>Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số</i> | |

| | | | | |
|----|--------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| | | | <i>04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.</i> | |
| 9 | Chính phủ | 2016 | <i>Nghị định 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016: Quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán</i> | |
| 10 | Bộ Tài chính | 2014 | <i>Thông tư 10/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 1 năm 2014: Hướng dẫn xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn</i> | |
| 11 | Bộ Tài chính | 2005 | <i>Thông tư 103/2005/TT-BTC ngày 24/11/2005: Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán</i> | |
| 12 | Chính phủ | 2018 | <i>Nghị định 41/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018: Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập</i> | |
| 13 | Chính phủ | 2018 | <i>Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 9/11/2018: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ khoa học và công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành</i> | |
| 14 | Chính phủ | 2018 | <i>Nghị định 151/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018: Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Tài chính</i> | |

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

| TT | Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH | Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH | | Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương |
|----|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------|----------|-------------------------------------------|
| | | Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,... | Số lượng | |
| 1 | Giảng đường A | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Chương 1 |
| 2 | Giảng đường A | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Chương 2 |
| 3 | Giảng đường A | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Chương 3 |
| 4 | Giảng đường A | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Chương 4 |

9. Rubric đánh giá

Đánh giá chuyên cần (Attendace Check): Rubric 1

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định | | | | | Trọng số |
|-------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| | MỨC F (0-3.9) | MỨC D (4.0-5.4) | MỨC C (5.5-6.9) | MỨC B (7.0-8.4) | MỨC A (8.5-10) | |
| Chuyên cần | Không đi học (20%). | Đi học không chuyên cần (<50%). | Đi học khá chuyên cần (<70%). | Đi học chuyên cần (<90%). | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>=90 %). | 50% |
| Đóng góp tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | 50% |

Đánh giá bài tập (Work Assignment)**Rubric 3: Bài tập (Work Assignment)**

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định | | | | | Trọng số |
|-------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| | MỨC F (0-3.9) | MỨC D (4.0-5.4) | MỨC C (5.5-6.9) | MỨC B (7.0-8.4) | MỨC A (8.5-10) | |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | 20% |
| Trình bày bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | 30% |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. | 50% |

Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)**Rubric 7: Làm việc nhóm (Teamwork Assessment)**

| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định | | | | | Trọng số |
|-----------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| | MỨC F (0-3.9) | MỨC D (4.0-5.4) | MỨC C (5.5-6.9) | MỨC B (7.0-8.4) | MỨC A (8.5-10) | |
| Tổ chức nhóm | Không có sự làm việc nhóm | Trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể. | Mỗi thành viên có nhiệm vụ công việc riêng nhưng không rõ ràng và không phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm. | Nhiệm vụ công việc rõ ràng và phù hợp với khả năng của mỗi thành viên trong nhóm. | Nhiệm vụ công việc của mỗi thành viên rõ ràng, cụ thể, phù hợp. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên. | 30% |
| Chuyên cần trong nhóm | < 30% | <50% | <70% | <90% | >=90% (Tham gia đầy đủ các buổi họp, thảo luận của nhóm) | 20% |
| Thảo luận | Không bao giờ tham gia vào việc thảo luận của nhóm. | Hiếm khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến. | Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến. | Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay. | Luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm. | 20% |
| Phối hợp nhóm | Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm. | Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm. | Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm. | Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm. | Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm. | 20% |

Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Trần Tự Lực

TS. Trương Thùy Vân

Nguyễn Thị Diệu Thanh

Ghi chú:

Đề cương chi tiết học phần trình bày kiểu chữ thống nhất Times New Roman, cỡ chữ văn bản 13, cỡ chữ trong các bảng 12 bằng hệ soạn thảo WinWord; mật độ chữ bình thường khoảng cách dòng 1.3 lines; lề trên và dưới 2,0 cm, lề trái 3,0 - 3,5 cm, lề phải 2,0 cm. Số trang được đánh ở giữa phía trên mỗi trang giấy. Thụt đầu dòng 1,25 cm hàng chữ đầu tiên của mỗi đoạn văn, văn bản căn lề hai bên.

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: LUẬT KẾ TOÁN

Mã học phần: KTLKT.209

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Đối tượng đào tạo: Sinh viên ngành Kế toán, Hệ chính quy.

1. Thông tin hoạt động nghiệm thu

Thời gian nghiệm thu: 08h00 ngày/...../2021

Địa điểm nghiệm thu: Văn phòng khoa KT-DL

Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng nghiệm thu:

1. Trần Tự Lực - Chủ tịch hội đồng
2. Trương Thùy Vân - Phản biện 1
3. Nguyễn Thị Thanh Nga - Phản biện 2
4. Phan Thị Thu Hà - Ủy viên
5. Nguyễn Thị Diệu Thanh – Thư ký

2. Ý kiến Hội đồng nghiệm thu

- Phản biện 1: (Gửi văn bản nhận xét đính kèm)
- Phản biện 2: (Gửi văn bản nhận xét đính kèm)
- Ý kiến thảo luận, bổ sung của thành viên Hội đồng: Không

3. Kết luận của Hội đồng nghiệm thu

Về hình thức: Chương trình chi tiết đã đáp ứng đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu, lỗi chính tả không có, văn phong, câu, từ mạch lạc, rõ ràng.

Về nội dung:

- Mục tiêu học phần có bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.
- Nội dung chương trình đảm bảo tính khoa học, chính xác, phát huy được năng lực của người học, có khả năng đo lường, có thể thực hiện các hoạt động thu thập minh chứng cho việc đạt được mục tiêu học phần.
- Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả rõ ràng và đáp ứng được yêu cầu đào tạo.
- Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên thể hiện mức độ đạt được các mục tiêu trong từng tín chỉ, từng học phần và có khả năng phân loại trình độ của sinh viên.
- Quy định các hình thức kiểm tra phù hợp và đúng quy định.

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

THƯ KÝ

Trần Tự Lực

Nguyễn Thị Diệu Thanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

1. Trương Thùy Vân
2. Nguyễn Thị Thanh Nga
3. Phan Thị Thu Hà

KHOA KINH TẾ - DU LỊCH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ MÔN KẾ TOÁN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: LUẬT KẾ TOÁN (ACCOUNTING LAWS)

Số tín chỉ: 03

Đối tượng: Sinh viên đại học, ngành kế toán, hệ chính quy

Nội dung nhận xét:

*** Về hình thức:**

- Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác. Tuy nhiên vẫn còn một số lỗi chính tả như sau:

+ Dòng thứ 3, mục 1

+ Dòng thứ 2, mục 3

*** Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.

- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học.

- Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo

- Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên có thể hiện mức độ đạt được các mục tiêu trong từng học phần và phân loại được trình độ của sinh viên.

- Đã bổ sung và cập nhập những thay đổi mới của Bộ Tài chính

- Những nội dung cần chỉnh sửa: Không

Kết luận chung: Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021

NGƯỜI NHẬN XÉT

Nguyễn Thị Thanh Nga

BẢN NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: LUẬT KẾ TOÁN (ACCOUNTING LAWS)

Số tín chỉ: 03

Đối tượng: Sinh viên đại học, ngành kế toán, hệ chính quy

Nội dung nhận xét:

*** Về hình thức:**

- Chương trình đã được soạn theo đúng mẫu quy định, trình bày rõ ràng dễ hiểu. Câu chữ chính xác. Tuy nhiên vẫn còn một số lỗi chính tả như sau:

+ Dòng 3, mục 5

*** Về nội dung:**

- Mục tiêu học phần bám sát chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.

- Nội dung chương trình đảm tính khoa học, chính xác, phát huy năng lực của người học.

- Kiến thức cơ bản, kỹ năng mà học phần mô tả đáp ứng yêu cầu đào tạo

- Các tiêu chuẩn sử dụng để đánh giá sinh viên có thể hiện mức độ đạt được các mục tiêu trong từng học phần và phân loại được trình độ của sinh viên.

- Đã bổ sung và cập nhật những thay đổi mới của Bộ Tài chính

- Những nội dung cần chỉnh sửa: Chỉnh sửa lại mục 5

Kết luận chung: Chương trình nên được chỉnh sửa trước khi nghiệm thu.

Quảng Bình, ngày tháng năm 2021

NGƯỜI NHẬN XÉT

Trương Thùy Vân